

## CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH Ở TỈNH BẾN TRE

ĐINH PHI HỒ & VÕ THANH SƠN

**H**ơn 20 năm qua, cùng với sự nghiệp đổi mới toàn diện nền kinh tế, quá trình hình thành và phát triển các khu công nghiệp (KCN) đã tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng mới hiện đại, góp phần mở rộng nhanh chóng nguồn vốn và trở thành yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng GDP, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết hàng triệu việc làm, tạo thu nhập ở VN. Trước đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu về hiệu quả kinh tế của các KCN, tuy nhiên, tác động của các KCN đối với nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương chưa được chú ý đến một cách đầy đủ, nhất là về phân định lượng. Do đó, nhận diện được một cách khoa học các tác động của KCN đối với chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư địa phương là một thách thức dành cho các nhà nghiên cứu chính sách ở VN. Để thực hiện điều này, tác giả tiến hành một nghiên cứu điển hình tại tỉnh Bến Tre nhằm tìm kiếm những bằng chứng thực tiễn. Nội dung bài viết tập trung vào hai vấn đề chính: Mô hình định lượng các yếu tố tác động và gợi ý chính sách cho địa phương.

### 1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Khi đề cập đến khái niệm về sự hài lòng của cộng đồng, Knop và Steward (1973) [1] cho rằng có hai vấn đề liên quan đến khái niệm sự hài lòng của cộng đồng:

**Vấn đề thứ nhất**, chính là bản thân thuật ngữ “Cộng đồng”. Cộng đồng có thể được hiểu theo hai hướng tiếp cận: (1) Cộng đồng như là một hình

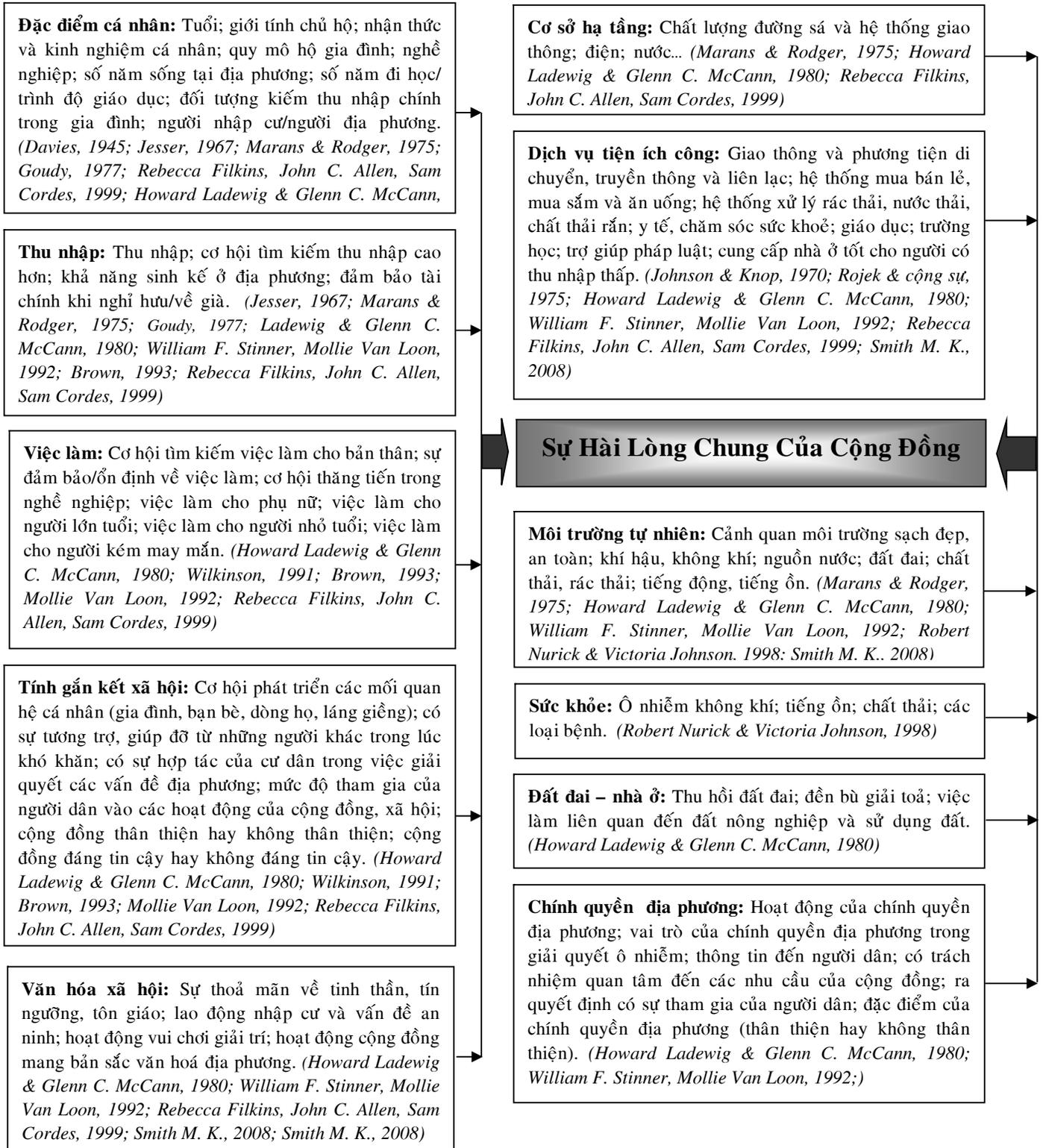
thể xã hội thực tế thể hiện qua tính địa phương; (2) cộng đồng được xem xét trong một phạm vi rất rộng của những hoạt động và những đặc tính cụ thể điển hình cho cuộc sống hàng ngày nhưng không nhất thiết tương đồng với nhau về một phương diện nào đó.

**Vấn đề thứ hai**, chính là ý nghĩa của “Sự hài lòng”, có thể được khái niệm hóa như là những nhận thức, đánh giá của các cá nhân về những trải nghiệm của họ trong quá trình quan sát và cảm nhận về cộng đồng. Kể từ thập niên 40 đến nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu nhận diện các tác động đến sự hài lòng của cộng đồng dưới những góc độ khác nhau. Tổng hợp các yếu tố tác động đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư được mô tả qua Hình 1.

#### 1.1 Thang đo và biến quan sát

Trên cơ sở của phương pháp chuyên gia (nhất là trao đổi với các chuyên gia tại Bến Tre), các thang đo của các biến quan sát sử dụng thang điểm Likert (5 mức độ) được lựa chọn cho phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Có 10 yếu tố tác động và 53 biến quan sát bao gồm: (1) Thu nhập (thay đổi, ổn định và cơ hội tìm kiếm thu nhập); (2) việc làm (cơ hội tìm kiếm việc làm, nghề nghiệp ổn định, thay đổi nghề nghiệp việc làm và cơ hội việc làm cho phụ nữ); (3) tính gắn kết xã hội (mối quan hệ bà con và láng giềng, sự tương trợ, hợp tác, tham gia hoạt động xã hội, quan hệ thân thiện và tin cậy); (4) cơ sở hạ tầng (thay đổi chất lượng đường xá và hệ

# PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của cộng đồng

# PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

thống giao thông, khả năng tiếp cận và sử dụng điện, nước sinh hoạt, chất lượng và giá điện nước); (5) dịch vụ tiện ích công (thay đổi của dịch vụ giao thông, thông tin liên lạc, thương mại – dịch vụ, vệ sinh môi trường, y tế, chăm sóc sức khỏe, cơ sở vật chất của giáo dục, dịch vụ đào tạo, dạy nghề, tư vấn và trợ giúp pháp luật); (6) văn hóa – xã hội ( thay đổi về đời sống tinh thần, vui chơi – giải trí, sinh hoạt cộng đồng, an ninh trật tự xã hội); (7) môi trường tự nhiên (thay đổi về cảnh quan, môi trường sinh sống, ô nhiễm nước, không khí, tiếng ồn, xử lý chất thải và nước thải); (8) sức khỏe (mức độ ảnh hưởng ô nhiễm đến sức khỏe của không khí, khói bụi, nguồn nước, tiếng ồn, chất thải); (9) đất đai – nhà ở (thay đổi tình trạng nhà ở, quy hoạch đất cho xây dựng KCN); (10) chính quyền địa phương (năng lực quản lý, thái độ, phổ biến thông tin, quan tâm đến nhu cầu của cộng đồng, đào tạo – dạy nghề cho lao động).

## 1.2 Phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu

Nghiên cứu được tiến hành thông qua 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Nghiên cứu định tính nhằm xây dựng và phát triển hệ thống khái niệm/thang đo và các biến nghiên cứu từ đó tiến hành xây dựng bảng câu hỏi điều tra khảo sát.

- Giai đoạn 2: Thông qua sự trợ giúp của phần mềm SPSS for Window 16.0, quá trình nghiên cứu định lượng được thực hiện qua 2 bước:

+ Phân tích nhân tố khám phá (EFA): Kiểm định các nhân tố ảnh hưởng và nhận diện các yếu tố theo đánh giá của cộng đồng dân cư được cho là phù hợp.

+ Sử dụng mô hình hồi quy bội (Regression Analysis): Được ứng dụng trong việc nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và đảm bảo có ý nghĩa thống kê và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự hài lòng của cộng đồng.

## 1.3 Phạm vi nghiên cứu và cách thức thu thập thông tin

- Để ứng dụng mô hình trong thực tiễn, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra hộ gia đình tại các địa bàn sau:

+ KCN Giao Long, có 3 xã giáp ranh: An Phước (gồm 4 ấp: 1, 2, 3, và 4); Quới Sơn (gồm 4 ấp: 4, 7, 8, và 9); Giao Long (gồm 1 ấp: 6).

+ KCN An Hiệp, thuộc xã An Hiệp, huyện

Châu Thành, tỉnh Bến Tre (gồm 2 ấp: An Hòa và Thuận Điền).

- Thời gian điều tra và thu thập dữ liệu được tiến hành từ tháng 10 đến tháng 11/2009 [2].

- Với quy mô mẫu điều tra 403 hộ theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, chú trọng nhiều đến phương pháp điều tra xã hội học, và quá trình quản lý khảo sát được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp những cá nhân là chủ hộ gia đình bằng bảng câu hỏi được thiết kế theo 53 biến quan sát qua thang điểm Likert 5 điểm. Nhóm nghiên cứu thực hiện tiến hành khảo sát thử nghiệm với 20 hộ gia đình thuộc diện đối tượng nghiên cứu. Thông qua đó, các biến quan sát được điều chỉnh lại và hoàn chỉnh bảng câu hỏi phù hợp hơn với thực tế địa phương. Sau đó, tiến hành điều tra đại trà chính thức tại các địa bàn nghiên cứu.

## 2. Kết quả ứng dụng

### 2.1 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Nhận diện các nhân tố: Các nhân tố và các biến quan sát để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) được mô tả chi tiết gồm 10 nhân tố với 53 biến quan sát. Thực hiện phân tích nhân tố (EFA) cho các kiểm định được đảm bảo:

(1) Độ tin cậy của các biến quan sát (Factor loading > 0,5)

(2) Kiểm định tính thích hợp của mô hình ( $0,5 < KMO = 0,801 < 1$ )

(3) Kiểm định Bartlett về tương quan của các biến quan sát (Sig. =  $0,000 < 0,05$ )

(4) Kiểm định phương sai cộng dồn (Cumulative variance =  $64,735\% > 50\%$ )

Sau 3 vòng phân tích EFA dựa trên 4 tiêu chuẩn đã đề cập được thỏa mãn, Bảng 1 cho thấy có 9 biến quan sát đã bị loại bỏ, còn lại 44 biến quan sát đưa vào được rút gọn thành 12 nhân tố:

(1) Nhân tố thứ nhất (ký hiệu: F1)

Gồm 8 biến quan sát (HEA2, HEA4, ENV3, ENV5, ENV6, INF4, INF5 và PUS4). Các biến quan sát trong nhân tố thứ nhất thuộc các thành phần: Môi trường tự nhiên (Natural Environment Scale), sức khỏe (Health Scale), cơ sở hạ tầng (Infrastructure Scale) và dịch vụ tiện ích công (Public Utility Services Scale); trong đó đề cập đến 2 yếu tố chính là nước và chất thải, rác thải. Do đó, có thể đặt tên F1 là “Chất lượng nguồn nước và dịch vụ vệ sinh môi trường”.

(2) Nhân tố thứ hai (ký hiệu: F2)

# PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

Bảng 1. Hệ số tải nhân tố (Factor Loading) trong ma trận nhân tố xoay vòng 3

	Ma trận nhân tố xoay											
	Nhân tố											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
HEA2	0,80											
HEA4	0,79											
ENV3	0,75											
ENV6	0,66											
INF5	-0,61											
PUS4	-0,59											
ENV5	0,55											
INF4	-0,53											
GOV1		0,72										
GOV2		0,72										
GOV6		0,69										
GOV3		0,66										
GOV7		0,66										
GOV5		0,55										
GOV4		0,51										
HEA3			0,84									
ENV4			0,83									
ENV2			0,82									
HEA1			0,80									
EMP1				0,83								
INC1				0,78								
EMP4				0,77								
INC3				0,59								
SOL5					0,78							
SOL6					0,76							
SOL1					0,76							
SOL3					0,53							
CUL5						0,81						
CUL4						0,79						
CUL6						0,70						
INC2							0,87					
EMP2							0,85					
PUS7								0,80				
GOV8								0,68				
PUS8								0,66				
PUS1									0,72			
INF1									0,64			
HOU2									0,54			
PUS6										0,76		
PUS3										0,58		
PUS5										0,57		
CUL3											0,71	
CUL2											0,63	
INF3												0,66

# PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

Gồm 7 biến quan sát (GOV1, GOV2, GOV3, GOV4, GOV5, GOV6 và GOV7). Các biến quan sát trong nhân tố thứ hai thuộc thành phần: Chính quyền địa phương (Local Government Scale), nên tên F2 vẫn là “Chính quyền địa phương”.

### (3) Nhân tố thứ ba (ký hiệu: F3)

Gồm 4 biến quan sát (ENV2, ENV3, HEA1 và HEA3). Các biến quan sát trong nhân tố thứ ba thuộc 2 thành phần: Môi trường tự nhiên (Natural Environment Scale) và sức khỏe (Health Scale); liên quan đến vấn đề ảnh hưởng của khói bụi và tiếng ồn đến sức khỏe, nên có thể đặt tên cho F3 là “Môi trường – Sức khỏe”.

### (4) Nhân tố thứ tư (ký hiệu: F4)

Gồm 4 biến quan sát (INC1, INC3, EMP1 và EMP4). Các biến quan sát trong nhân tố thứ tư thuộc 2 thành phần: Thu nhập (Income Scale) và việc làm (Employment Scale); liên quan đến cơ hội tìm kiếm thu nhập và việc làm của người dân địa phương, nên F2 được đặt tên là “Cơ hội tìm kiếm việc làm và thu nhập”.

### (5) Nhân tố thứ năm (ký hiệu: F5)

Gồm 4 biến quan sát (SOL1, SOL3, SOL5 và SOL6). Các biến quan sát trong nhân tố thứ năm thuộc thành phần: Tính gắn kết xã hội (Social Solidarity Scale); thể hiện các mối quan hệ ràng buộc xã hội với bạn bè, người thân họ hàng, và những người dân nói chung trong cộng đồng. Do đó tên F5 là “Tính gắn kết xã hội”.

### (6) Nhân tố thứ sáu (ký hiệu: F6)

Gồm 3 biến quan sát (CUL4, CUL5 và CUL6). Các biến quan sát trong nhân tố thứ sáu thuộc thành phần: Văn hóa – xã hội (Culture – Society Scale); liên quan đến vấn đề an ninh trật tự, đời sống xã hội trong cộng đồng, nên F6 có tên là “Đời sống văn hóa, an ninh xã hội”.

### (7) Nhân tố thứ bảy (ký hiệu: F7)

Gồm 2 biến quan sát (INC2 và EMP2), được đặt tên là “Tính ổn định trong thu nhập, việc làm”.

### (8) Nhân tố thứ tám (ký hiệu: F8)

Gồm 3 biến quan sát (PUS7, PUS8, GOV8). Các biến quan sát trong nhân tố thứ tám thuộc 2 thành phần: Dịch vụ tiện ích công (Public Utility Services Scale) và chính quyền địa phương (Local Government Scale); liên quan đến dịch vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề ở địa phương, và lợi ích của dịch vụ này, nên có thể đặt tên F8 là “Phát triển dịch vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề”.

### (9) Nhân tố thứ chín (ký hiệu: F9)

Gồm 3 biến quan sát (PUS1, INF1 và HOU2), được đặt tên là “Chất lượng hạ tầng giao thông”.

### (10) Nhân tố thứ mười (ký hiệu: F10)

Gồm 3 biến quan sát (PUS3, PUS5 và PUS6), được đặt tên là “Dịch vụ tiện ích công”.

### (11) Nhân tố thứ mười một (ký hiệu: F11)

Gồm 2 biến quan sát (CUL2 và CUL3) được đặt tên là “Hoạt động văn hóa, giải trí”.

### (12) Nhân tố thứ mười hai (ký hiệu: F12)

Gồm 1 biến quan sát (INF3), được đặt tên là “Giá điện hợp lý”.

(13) Nhân tố “Mức độ hài lòng chung của cộng đồng” (ký hiệu: SAT)

Thực hiện EFA tương tự cho thang đo “Sự hài lòng chung của cộng đồng” (Overall Satisfaction Community Scale) gồm 3 biến quan sát SAT1, SAT2, SAT3:

SAT1	Nhìn chung, ông/bà hài lòng với cuộc sống hiện tại của gia đình ở địa phương với những thay đổi sau khi có KCN.
SAT2	Sự hình thành của KCN đã có tác động tích cực hơn về mọi mặt trong đời sống cũng như sinh kế của gia đình ông/bà.
SAT3	Hiện nay, cộng đồng nơi đang sinh sống là “lý tưởng” theo suy nghĩ riêng của ông/bà.

## 2.2 Mô hình định lượng

### 2.2.1 Xây dựng mô hình hồi quy

Mô hình hồi quy tổng quát được hiệu chỉnh sau khi phân tích khám phá nhân tố:

$$SAT = f(F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7, F8, F9, F10, F11, F12)$$

Việc xem xét trong các yếu tố từ F1 đến F12, yếu tố nào thật sự tác động đến mức độ hài lòng chung SAT một cách trực tiếp sẽ được thực hiện bằng phương trình hồi quy tuyến tính bội:

$$SAT = B_0 + B_1F_1 + B_2F_2 + B_3F_3 + B_4F_4 + B_5F_5 + B_6F_6 + B_7F_7 + B_8F_8 + B_9F_9 + B_{10}F_{10} + B_{11}F_{11} + B_{12}F_{12} + e_i$$

Trong đó, các biến đưa vào phân tích hồi quy được tính nhân số của nhân tố bằng cách tính trung bình cộng của các biến quan sát thuộc nhân tố đó. Các biến trong mô hình hồi quy tuyến tính bội được giải thích qua Bảng 2.

### 2.2.2 Phân tích hồi quy

Bảng 3 cho kết quả có 5 biến đảm bảo có ý

# PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

**Bảng 2. Diễn giải các biến trong mô hình hồi quy tuyến tính bội**

Nhân tố		Biến quan sát	Loại thang đo	Dấu kỳ vọng
Tên nhân tố	Ký hiệu			
Mức độ hài lòng chung của cộng đồng	SAT	SAT1, SAT2, SAT3	Khoảng	
1. Chất lượng nguồn nước và dịch vụ vệ sinh môi trường	F1	HEA2, HEA4, ENV3, ENV5, ENV6, INF4, INF5, PUS4	Khoảng	+
2. Chính quyền địa phương	F2	GOV1, GOV2, GOV3, GOV4, GOV5, GOV6, GOV7	Khoảng	+
3. Môi trường – sức khỏe	F3	ENV2, ENV4, HEA1, HEA3	Khoảng	-
4. Cơ hội tìm kiếm việc làm và thu nhập	F4	INC1, INC3, EMP1, EMP4	Khoảng	+
5. Tính gắn kết xã hội	F5	SOL1, SOL3, SOL5, SOL6	Khoảng	+
6. Đời sống văn hóa, an ninh xã hội	F6	CUL4, CUL5, CUL6	Khoảng	+
7. Tính ổn định trong thu nhập, việc làm	F7	INC2, EMP2	Khoảng	+
8. Phát triển dịch vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề	F8	PUS7, PUS8, GOV8	Khoảng	+
9. Chất lượng hạ tầng giao thông	F9	PUS1, INF1, HOU2	Khoảng	+
10. Dịch vụ tiện ích công	F10	PUS3, PUS5, PUS6	Khoảng	+
11. Hoạt động văn hóa, giải trí	F11	CUL2, CUL3	Khoảng	+
12. Giá điện hợp lý	F12	INF3	Khoảng	+

nghĩa thống kê với độ tin cậy 95% (Significance <0,05). Mô hình có R<sup>2</sup> điều chỉnh là 0,341 cho biết 34,1% sự hài lòng của cộng đồng được giải thích bởi các biến trong mô hình hồi quy. Các kiểm định tính phù hợp của mô hình, hiện tượng đa cộng tuyến và tính ổn định phương sai của sai số đã thực hiện không có hiện tượng vi phạm. Phương trình hồi quy dự đoán mức độ tác động của các nhân tố đến sự hài lòng chung của cộng đồng được xác định như sau:

$$SAT = 0,734 + 0,298 \cdot F2 + 0,252 \cdot F4 + 0,190 \cdot F7 + 0,101 \cdot F9 - 0,068 \cdot F3$$

Giải thích ý nghĩa của các hệ số hồi quy:

- Khi người dân đánh giá yếu tố “Chính quyền địa phương (F2)” tăng thêm 1 điểm thì sự hài lòng của cộng đồng tăng thêm 0,298 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,298).

- Khi người dân đánh giá yếu tố “Cơ hội tìm kiếm việc làm và thu nhập (F4)” tăng thêm 1 điểm thì sự hài lòng của cộng đồng tăng thêm 0,252 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,252).

- Khi người dân đánh giá yếu tố “Tính ổn định trong thu nhập, việc làm (F7)” tăng thêm 1 điểm thì sự hài lòng của cộng đồng tăng thêm 0,190 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,190).

- Khi người dân đánh giá yếu tố “Chất lượng hạ tầng giao thông (F9)” tăng thêm 1 điểm thì sự hài lòng của cộng đồng tăng thêm 0,101 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,101).

- Khi người dân đánh giá yếu tố “Môi trường sức khỏe (F3)” tăng thêm 1 điểm thì sự hài lòng của cộng đồng giảm bớt đi 0,068 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là -0,068).

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra rằng có 5 nhân tố thật sự có tác động đến sự hài lòng của cộng đồng dân cư địa phương theo thứ tự tầm quan trọng đó là:

- Cơ hội tìm kiếm việc làm và thu nhập: Đem đến nhiều cơ hội sinh kế.

- Chính quyền địa phương: Đóng vai trò điều hành và quản lý cộng đồng hiệu quả.

- Tính ổn định trong thu nhập, việc làm: Đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống.

- Môi trường – sức khỏe: Cung cấp nơi ở cho

# PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

Bảng 3. Kết quả hồi quy

	Hệ số chưa chuẩn hóa (Unstandardized Coefficients)		Hệ số chuẩn hóa (Standardized Coefficients)	Giá trị t	Mức ý nghĩa (Sig.)	Thống kê cộng tuyến (Collinearity Statistics)	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	0,734	0,267		2,754	0,006		
F2	0,298	0,052	0,257	5,708	0,000	0,826	1,210
F4	0,252	0,037	0,289	6,723	0,000	0,903	1,108
F7	0,190	0,033	0,242	5,670	0,000	0,920	1,087
F9	0,101	0,045	0,096	2,231	0,026	0,901	1,110
F3	-0,068	0,031	-0,098	-2,215	0,027	0,849	1,178

dân cư được sinh sống trong một môi trường trong lành, thân thiện.

- Chất lượng hạ tầng giao thông: Cộng đồng phải được liên kết tốt bằng dịch vụ giao thông tốt để kết nối người dân với công việc, chăm sóc y tế và các dịch vụ khác.

Trong khi đó, những nhân tố phi kinh tế liên quan đến các hoạt động văn hóa giải trí, an ninh xã hội của cộng đồng, tính gắn kết xã hội, các dịch vụ tiện ích công cộng, dịch vụ đào tạo giáo dục và dạy nghề là những yếu tố không ảnh hưởng đến sự hài lòng của cư dân địa phương nơi đây. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những thuộc tính cá nhân của người khảo sát như: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, quy mô hộ gia đình, thời gian sinh sống tại địa phương cũng không ảnh hưởng đến kết quả đánh giá sự hài lòng của cộng đồng.

#### 4. Một số gợi ý chính sách

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, các chính sách sau đây nên được quan tâm trong việc hướng đến xây dựng một cộng đồng bền vững tại địa phương:

**Thứ nhất**, giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập, đặc biệt là những hộ gia đình mất đất nông nghiệp do phát triển KCN, trong những năm tới là tập trung nguồn lực của các nhà đầu tư, của Nhà nước và địa phương, của các doanh nghiệp trong KCN để đào tạo nghề mới cho nông dân và lao động trẻ tại địa phương, từ đó thu hút họ vào các KCN và chuyển đổi ngành nghề phi nông nghiệp trên địa bàn. Hoàn thiện quy hoạch KCN gắn với

quy hoạch các vùng tái định cư, ổn định nơi ăn chốn ở cho cộng đồng dân cư địa phương, đặc biệt là những đối tượng bị thu hồi đất để xây dựng KCN.

**Thứ hai**, chính quyền địa phương cần nâng cao năng lực quản lý, điều hành và hoạt động có hiệu quả trên các khía cạnh: (1) Giải quyết công việc có quy trình, thủ tục đơn giản, khoa học và nhanh chóng; (2) phong cách phục vụ của cán bộ công chức: thái độ cởi mở, sẵn sàng lắng nghe và đáp ứng tốt các nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương trong phạm vi và chức năng của mình; (3) quan tâm giải quyết các vấn đề về cơ sở hạ tầng: điện, nước sạch cho sinh hoạt, trường học, trạm y tế, hệ thống giao thông nông thôn, cải thiện dịch vụ vệ sinh môi trường và cảnh quan trên cơ sở có sự tham gia của người dân, thông tin đầy đủ đến người dân; (4) có chính sách đào tạo dạy nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân, đặc biệt là đối tượng lao động thanh niên địa phương.

**Thứ ba**, để hạn chế tối đa tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu vực lân cận trong và ngoài KCN, tỉnh Bến Tre nên quan tâm đến nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm định và giám sát các công trình đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải; đặc biệt, những vấn đề này cần gắn liền với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng trước khi đưa KCN vào hoạt động. Bên cạnh thực hiện các giải pháp hạn chế tác động ô nhiễm môi trường trong các KCN, tỉnh Bến Tre cần đặc biệt chú trọng đến quy hoạch vị trí khu tái định cư cho những hộ gia đình bị thu hồi đất cho xây dựng KCN theo hướng xa khu vực đã quy hoạch

# PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

KCN để tránh tác động do khói bụi, tiếng ồn và nước thải từ hoạt động sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của cộng đồng dân cư xung quanh.

**Thứ tư**, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của địa phương theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng đầu tư, chính quyền địa phương quản lý. Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA, tỉnh cần có chính sách chủ động khuyến khích các hình thức đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua hình thức BT (xây dựng – chuyển giao). Đối với cấp huyện, nên chủ trì huy động nguồn lực tại chỗ các nguồn vốn, kinh phí đóng góp từ các đơn vị doanh nghiệp, các nhà đầu tư đóng trên địa bàn. Đối với cấp xã, là địa bàn thực hiện chủ chốt và trực tiếp hưởng thụ thành quả từ việc phát triển hạ tầng giao thông, tập trung huy động kinh phí đóng góp từ cộng đồng dân cư địa phương để đầu tư vào hệ thống đường giao thông nội bộ trong xã.

**Cuối cùng**, cần chú trọng đến vấn đề quy hoạch phát triển các KCN phải tính đến sự đồng bộ ngay từ khâu thiết kế quy hoạch:

+ Định hướng lâu dài là khai thác sử dụng có hiệu quả quỹ đất dành cho các KCN đã có, chủ yếu là thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước để lấp đầy diện tích. Việc xây dựng các KCN mới nhất thiết phải thận trọng, tiết kiệm đất nông nghiệp, có tính khả thi, và đặc biệt là những vị trí có ít người dân sinh sống. Phát triển KCN quy mô vừa và nhỏ là chủ yếu để giảm bớt diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi.

+ Chú trọng đến tính đồng bộ, quan tâm đến sự phát triển cân đối giữa trong và ngoài KCN:

đó là tính cân đối giữa nhu cầu lấp đầy các KCN với nguồn nhân lực phải được chuẩn bị tốt; giữa chất lượng thiết bị đưa vào các KCN với vấn đề ô nhiễm môi trường; giữa vấn đề chăm lo đời sống vật chất và đời sống tinh thần phục vụ đời sống cho cộng đồng địa phương: trường học, bệnh viện, nhà trẻ, khu vui chơi giải trí, và các công trình văn hóa...■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Knop, Edward C., & Steward R. (1973), *Community Satisfaction: Conceptual and Methodological Problems*, Paper presented at the Rocky Mountain Social Science Association annual meeting, Laramie, Wyoming.

2. Đinh Phi Hổ, Chủ nhiệm đề tài và cộng sự (2009), *Vấn đề chuyển dịch lực lượng lao động, cơ cấu dân cư, nguồn nhân lực của tỉnh Bến Tre: Thực trạng và giải pháp*, Đề tài NCKH của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre.

3. Davies, Vernon (1945), "Development of a scale to rate attitude of community satisfaction.", *Rural Sociology*. Vol. 10 (September), pp. 246 – 255.

4. Filkins, R., Allen, J. C., & Cordes, S. (1999), "Predicting community satisfaction among rural residents: An integrative model.", *Journal Series No.12451*, Agricultural Research Division, Center for Applied Rural Innovation (CARI), University of Nebraska, Lincoln, NE.

5. Nhan, Nguyen The (2008), *An analysis of Industrial Zone Impacts on household livelihood security*, Master thesis (Draft), Vietnam – The Netherland Programme for M.A. in Development Economics, University of Economics HCMC.

6. Smith, Mark K. (2008), *Sustainable communities and neighbourhoods. Theory, policy and practice*, [http://www.infed.org/community/sustainable\\_communities\\_and\\_neighbourhoods.htm](http://www.infed.org/community/sustainable_communities_and_neighbourhoods.htm)

## LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp kỷ niệm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6/2010, 20 năm thành lập và xuất bản số đầu tiên của Tạp chí Phát triển Kinh tế, các cơ quan chính quyền, các trường đại học trong và ngoài TP.HCM, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Ban lãnh đạo và CBCC Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Ban lãnh đạo các tạp chí bạn, Đảng ủy, BGH, Công đoàn, Đoàn TN, các Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm trường Đại học Kinh tế TP.HCM, các doanh nghiệp, cộng tác viên và bạn đọc đã tham dự Lễ kỷ niệm, gửi thư, thiệp, lẵng hoa, quà tặng và lời chúc mừng đến Tạp chí Phát triển Kinh tế.

Hội đồng biên tập và toàn thể CBCC Tạp chí Phát triển Kinh tế trân trọng cảm ơn những tình cảm tốt đẹp đó và sẽ cố gắng nhiều hơn để xứng đáng với sự quý mến và tin tưởng của bạn đọc trong và ngoài trường.